

Số: 1577/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 02 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố thủ tục hành chính
lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1811/QĐ-BKHĐT ngày 30/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 31/TTr-KHĐT ngày 22/7/2016 và ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Văn bản số 453/STP-KSTTHC ngày 30/6/2016 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan trực thuộc trên địa bàn thành phố Hải Phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này bộ thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố (phụ lục I); thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư (phụ lục II); thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện (phụ lục III) trên địa bàn thành phố.

Quyết định này thay thế Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 03/4/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố bộ thủ tục hành chính lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố, thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thực hiện việc cập nhật, thông kê, công khai thủ tục hành chính lĩnh vực kế hoạch và đầu tư theo quy định.


Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cục KS TTHC, Bộ TP;
- TTTU, TTHĐNDTP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Đoàn ĐBQH TP;
- Như Điều 3;
- Công TĐTTP;
- CPV, PCVP;
- Phòng: TH, NC;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



The image shows the official seal of the City People's Committee (Ủy ban nhân dân thành phố) with a handwritten signature in black ink over it. The seal is circular and contains the text 'ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ' and 'PHÒNG 4'. The signature is written in a cursive style.

Nguyễn Văn Tùng

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 02/ 8 /2016
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (18 THỦ TỤC)
I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP	
1	Thành lập công ty TNHH một thành viên do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập
2	Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý
3	Chia, tách công ty TNHH một thành viên do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập hoặc được giao quản lý
4	Giải thể công ty TNHH một thành viên
II. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM	
1	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
2	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
III. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU	
Mục 1. Lựa chọn nhà đầu tư	
1	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư
2	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư
3	Phê duyệt danh mục dự án có sử dụng đất cần lựa chọn Nhà đầu tư
Mục 2. Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)	
1	Phê duyệt chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án
2	Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi
3	Phê duyệt, điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi
4	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
5	Điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
6	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
Mục 3. Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu	
1	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

2	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu
IV. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN	
1	Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ

www.LuatVietnam.vn

PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 02/8/2016
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (122 THỦ TỤC)
I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP	
Mục 1. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
2	Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
3	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
4	Báo cáo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
5	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
6	Thông báo mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
7	Thông báo mẫu con dấu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
8	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh
9	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
10	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng
11	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)
12	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân
13	Bán doanh nghiệp tư nhân
14	Chia doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần)
15	Tách doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần)

16	Hợp nhất doanh nghiệp
17	Sáp nhập doanh nghiệp
18	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần
19	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
20	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
21	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
22	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
23	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn
24	Thông báo tạm ngừng kinh doanh
25	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo
26	Giải thể doanh nghiệp
27	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án
28	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
29	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
30	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh
31	Hiệu đính, cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp

Mục 2. Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu

1 Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên

II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

1 Đăng ký liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân

2 Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân

3 Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân

4 Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân chia

5 Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân tách

6 Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân hợp nhất

7	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân sáp nhập
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân (khi bị mất)
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân (khi bị mất)
10	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân (khi bị hư hỏng)
11	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân (khi bị hư hỏng)
12	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân (đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân giải thể tự nguyện)
13	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân
14	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân
15	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân
16	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân
17	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân
18	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã)
19	Thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân
III. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM	
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
2	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
3	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
4	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)
5	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố

6	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ
7	Chuyển nhượng dự án đầu tư
8	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế
9	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài
10	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
11	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
12	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
13	Giãn tiến độ đầu tư
14	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư
15	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư
16	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
17	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
18	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương
19	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư
20	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư
21	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài
22	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương
23	Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)
24	Thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài
IV. ĐẤU THẦU	
Mục 1. Lựa chọn nhà đầu tư	
1	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư
2	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư
3	Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa

	chọn nhà đầu tư
4	Làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư
5	Sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư
6	Làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong lựa chọn nhà đầu tư
7	Mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư
8	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư
9	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư
10	Mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn nhà đầu tư
11	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn nhà đầu tư
12	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư
13	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư
Mục 2. Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)	
1	Thẩm định đề xuất các dự án nhóm A, B, C do Bộ, ngành Ủy ban nhân dân thành phố lập
2	Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án
3	Công bố dự án
4	Chuyển đổi hình thức đầu tư đối với các dự án đầu tư bằng vốn đầu tư công
5	Thẩm định đề xuất dự án của Nhà đầu tư
6	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi
7	Thẩm định điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi
Mục 3. Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu	
1	Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ
2	Đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
3	Lựa chọn nhà thầu qua mạng
4	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu

5	Thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn
6	Thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp
7	Thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa
8	Thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn
9	Thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa
10	Thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật
11	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu
12	Thẩm định danh sách ngắn
13	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu
14	Phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu
15	Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu
16	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu
17	Làm rõ hồ sơ dự thầu
18	Mở thầu
19	Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn
20	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu
21	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu

V. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI

Mục 1. Nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài

1	Tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)
2	Tiếp nhận dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài (PCPNN)
3	Tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)

4	Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phi dự án
Mục 2. Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi của các nhà tài trợ	
1	Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài
2	Xác nhận chuyên gia

www.LuatVietnam.vn

PHỤ LỤC III
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 02/8/2016
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (60 THỦ TỤC)
I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH	
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ	
1	Đăng ký hợp tác xã
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
3	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã
4	Đăng ký khi hợp tác xã chia
5	Đăng ký khi hợp tác xã tách
6	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất
7	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)
10	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)
11	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)
12	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)
13	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
14	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã
15	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của

	hợp tác xã
16	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
17	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
18	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)
19	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã

III. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU

Mục 1. Lựa chọn nhà đầu tư

1	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư
2	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư
3	Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư
4	Làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư
5	Sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư
6	Làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong lựa chọn nhà đầu tư
7	Mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư
8	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư
9	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư
10	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư
11	Mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn nhà đầu tư
12	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn nhà đầu tư
13	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư
14	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư
15	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư

Mục 2. Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu

1	Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ
2	Đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

3	Lựa chọn nhà thầu qua mạng
4	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
5	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn
6	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp
7	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa
8	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn
9	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa
10	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật
11	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
12	Phê duyệt danh sách ngắn
13	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu
14	Phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu
15	Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu
16	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu
17	Làm rõ hồ sơ dự thầu
18	Mở thầu
19	Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn
20	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu
21	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu